

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 339/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Hoàng Hoa
2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:**  
Không tham gia

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2020/TLST - DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2020/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà V, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, Tiền Giang.

*Bị đơn:* Bà H, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp Q, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Bà V, bà H vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**- Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà V trình bày:**

Ngày 13/4/2018 bà có cho bà H vay số tiền là 10.000.000 đồng. Thời hạn vay là 03 tháng. Lãi suất thỏa thuận là 0,83%/tháng. Bà H có viết và ký vào giấy vay tiền cho bà.

Ngày 15/02/2019 bà tiếp tục cho bà H vay số tiền là 40.000.000 đồng. Thời hạn vay là 03 tháng. Lãi suất thỏa thuận là 0,83%/tháng. Bà H có viết và ký vào

giấy vay tiền cho bà. Tổng cộng bà H vay của bà số tiền 50.000.000 đồng nhưng đến nay bà H còn nợ bà tiền lãi và tiền vốn vay. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả cho bà 50.000.000 đồng tiền vốn vay và 7.387.000 đồng tiền lãi. Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 30/9/2020, bà V rút một phần yêu cầu, chỉ đòi bà H trả 40.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng bà H từ chối nhận văn bản và vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc bà V khởi kiện, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### [1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bà V có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H, bà V là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà V yêu cầu bà H trả số tiền vay còn nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Q, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### [2] Về nội dung:

[2.1] Bà V khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền nợ vay với số tiền là 40.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà V là 02 “*Giấy nhận tiền*” do bà V cung cấp có bà H ký tên. Có đủ cơ sở xác định giữa bà V với bà H đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H tuy nhiên bà H không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà V. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử xác định bà H còn nợ bà V số tiền 40.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Xét thấy bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó bà V yêu cầu bà H trả số tiền 40.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu bà H trả số tiền 10.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/02/2019, mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2020, bà V đã yêu

cầu Tòa án giải quyết, nhưng đến ngày 30 tháng 9 năm 2020, bà V có đơn xin rút yêu cầu đòi số tiền 10.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà V về việc yêu cầu bà H trả số tiền 10.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/02/2019; nếu sau này bà V khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà V không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2.4] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Bà V yêu cầu tính lãi từ ngày vay đến ngày xét xử với lãi suất 0,83%/tháng, số tiền là 7.138.000 đồng. Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: *“Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

*a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;*

*b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”.*

Do đó, bà V yêu cầu bà H trả tiền lãi chậm trả là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 463, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V. Buộc bà H trả cho bà V số tiền gốc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi là 7.138.000 đồng (Bảy triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng).

**2.** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi số tiền 10.000.000 đồng của bà V (theo biên nhận ngày 15/02/2019), nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

### **3. Về án phí:**

Bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.356.900 đồng

Bà V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.434.000 đồng theo biên lai thu tiền số 3982 ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo

**4.** Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 1,245%/tháng.

**5.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Vĩnh Lộc**